

Số: 20/2014/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 05 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra,
xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi xem xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Báo cáo thẩm tra số 635/BC-HĐND-KTNS ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ban kinh tế và ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (kèm Phụ lục).

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định một số mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2014; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Phạm Văn Hiểu

PHỤ LỤC

MỘT SỐ MỨC CHI CHO CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra			
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150 120 100	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
b	Các thành viên tham dự	Người/ buổi	100 80 60	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn	01 báo cáo/01 văn bản	500 400	Thành phố Cấp huyện
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản	01 văn bản	100 80 60	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản			
a	Mức chi chung	01 văn bản	110 90	Thành phố Cấp huyện
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	200 150	Thành phố Cấp huyện
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo			
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	200 150	Thành phố Cấp huyện

b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (bao gồm cả báo cáo liên ngành và báo cáo từng ngành, địa phương)	01 báo cáo	700 400 300	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	800 600 400	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
c	Báo cáo hàng năm, đột xuất về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	01 báo cáo	1.000 500 300	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
6	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
7	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra; rà soát, hệ thống hóa văn bản.	01 văn bản	100 80 60	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
b	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí			Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu hoặc 01 văn bản	70 50 40	Thành phố Cấp huyện Cấp xã Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
8	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn			Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp

	bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
9	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm...			Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.